

Bản án số: 02/2024/HS-PT
Ngày 05-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nguyên, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 130/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Tổng Đức T do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2023/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Tổng Đức T (Tên gọi khác: Cu), sinh năm 1993 tại Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tổng Văn T1 và bà Nguyễn Thị O; Chưa có tiền án, tiền sự; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Quách Ngọc L; Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Lê Anh T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

- Bị hại: Anh Lê Văn C, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Thành Q, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Ông Tổng Văn T1, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/01/2021 (âl), ông Trương Thành Q lập hợp đồng nhận thầu xây dựng nhà ở cho ông Tống Văn T1 ở tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau. Diện tích xây dựng nhà là 124m², tiền công xây dựng là 93.000.000 đồng. Để thực hiện hợp đồng, ông Trương Thành Q thuê 05 người làm công là ông Lê Văn T3, ông Lương Hoài N (là thợ xây), ông Nguyễn Văn Đ, ông Tống Đức T (con ruột của ông Tống Văn T1) và ông Lê Văn C (là phụ hồ). Trong số nhân công phụ hồ thì có Tống Đức T là người làm thuê cho ông Trương Thành Q nhiều năm, công việc chính là phụ hồ xây dựng công trình nhỏ lẻ; Bị cáo biết sử dụng và đã vận hành thành thạo máy trộn hồ phục vụ cho việc xây dựng các công trình được ông Trương Thành Q nhận lãnh, bao gồm cả việc xây dựng nhà của ông Tống Văn T1. Trong quá trình thi công, xây dựng nhà cho ông Tống Văn T1, khi phần nền nhà được đổ bê tông bằng phẳng thì ông Trương Thành Q cho nhân công di chuyển máy trộn hồ vào đặt tại vị trí phòng khách của căn nhà đang xây dựng. Tống Đức T là người trực tiếp chèn cố định máy trộn hồ bằng 02 tảng đá dưới trục ngang bên trong giữa 02 bánh xe để đảm bảo khi hoạt động thì máy trộn hồ không bị di chuyển, xô dịch. Sau một thời gian thi công, công trình đến giai đoạn hoàn thiện thì không cần nhiều nhân công nên ông Trương Thành Q không còn thuê Tống Đức T làm nhân công phụ hồ nữa nhưng Tống Đức T vẫn có mặt tại công trình để làm công việc của gia đình và thỉnh thoảng có phụ đưa gạch, đưa hồ cho Lê Văn T3, Lương Hoài N (Do công trình xây dựng nhà của ông Tống Văn T1 cũng là nhà ở của gia đình Tống Đức T, bị cáo là con ruột của ông Tống Văn T1).

Ngày 22/8/2021, ông Trương Thành Q phân công Lương Hoài N làm công việc tô máng nước; Lê Văn T3 dán gạch ở mặt tiền nhà; Lê Văn C và Nguyễn Văn Đ phụ hồ. Khoảng 13 giờ cùng ngày, do phần việc của thời gian còn lại trong ngày không dùng đến máy trộn hồ nên ông Trương Thành Q thông báo cho mọi người biết buổi chiều ông Trương Thành Q sẽ thay bánh xe của máy trộn hồ. Lúc này, ông Tống Văn T1 có hỏi mượn máy trộn hồ và mượn 01 người thợ phụ tiếp Tống Đức T để xây bó nền phần hành lang nhà, đây là phần xây dựng riêng của gia đình ông Tống Văn T1, không nằm trong hợp đồng chính. Ông Trương Thành Q đồng ý cho mượn máy trộn hồ và cho Nguyễn Văn Đ phụ tiếp với Tống Đức T xây bó nền phần hành lang. Tống Đức T và Nguyễn Văn Đ dùng máy để trộn hồ để xây bó nền. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, ông Trương Thành Q tiến hành thay mới bánh xe của máy trộn hồ có sự giúp sức của anh Lê Văn C. Do các đinh ốc bị rỉ sét nên phải dùng nhót chế vào các đinh, ốc. Trong lúc Trương Thành Q và Lê Văn C ngồi gần cối trộn hồ để chờ các đinh, ốc thấm nhót cho dễ tháo thì Tống Đức T từ ngoài đi vào để lấy hồ. Tống Đức T có nhìn thấy ông Trương Thành Q đang ngồi gần cối trộn hồ nhưng không nhìn thấy anh Lê Văn C. Bị cáo không đến kiểm tra, không hỏi ông Trương Thành Q có thay bánh xe hay không và vẫn để thùng cối nằm nghiêng rồi dùng tay bật cầu dao điện khởi động máy trộn hồ. Khi máy trộn hồ vừa khởi động thì bị lật ngã đè lên người của anh Lê Văn C, gây thương tích cho anh Lê Văn C với tỷ lệ thương tật là 92%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2022/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Xử phạt Tổng Đức T 03 (ba) tháng tù về tội Vô ý gây thương tích. Buộc Tổng Đức T tiếp tục bồi thường thiệt hại cho anh Lê Văn C số tiền 428.214.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án; Án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Bị cáo Tổng Đức T kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo và yêu cầu ông Trương Thành Q phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Lê Văn C số tiền 428.214.000 đồng.

Bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường thiệt hại với số tiền 428.214.000 đồng.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 08/2023/HS-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2022/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình; giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình để điều tra lại, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2023/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã quyết định: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Tổng Đức T 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/9/2023, bị hại kháng cáo yêu cầu xem xét cho bị cáo Tổng Đức T được hưởng án treo.

Ngày 29/9/2023, bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh đối với bị cáo Tổng Đức T; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, bị hại về giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2023/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo hướng thay đổi tội danh đối với bị cáo Tổng Đức T từ tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” sang tội “*Vô ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ

luật hình sự. Áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự sửa hình phạt đối với bị cáo từ 06 tháng tạm giam chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ 01 năm 06 tháng, do bị cáo là phụ hồ, thu nhập không ổn định nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo, bị hại được thực hiện trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về diễn biến vụ án: Ông Trương Thành Q là người ký hợp đồng xây dựng nhà ở nông thôn cho ông Tống Văn T1, diện tích xây dựng 124m². Để thực hiện việc thi công, ông Trương Thành Q thỏa thuận (không bằng văn bản) thuê 05 người làm công trong đó có anh Lê Văn C và Tống Đức T thực hiện công việc phụ hồ; Tiền lương được thỏa thuận trả theo ngày làm công. Sau khi hoàn thành phần xây thô của phần nhà chính theo hợp đồng thì gia đình ông Tống Văn T1 có nhu cầu xây thêm phần hành lang và phần công việc này không nằm trong hợp đồng chính mà do ông Tống Văn T1 tự thực hiện và khi xây bó nên hành lang vào chiều ngày 22/8/2021 là do Tống Đức T phụ hồ còn Nguyễn Văn Đ được ông Trương Thành Q phân công tiếp Tống Đức T trong việc xây bó nền. Tống Đức T đã dùng máy trộn hồ để trộn một cối hồ xây phục vụ cho Nguyễn Văn Đ xây bó nền, đến khi ông Trương Thành Q cùng với anh Lê Văn C thực hiện việc thay mới cho bánh xe máy trộn hồ thì phần hồ xây còn trong cối với khối lượng lớn. Khi thay bánh xe máy trộn hồ thì ông Trương Thành Q đã thông báo cho những người làm chung; Phần bánh xe cũ do bị dính chặt bê tông, rỉ sét nên vẫn chưa được tháo rời. Trong lúc ông Trương Thành Q, anh Lê Văn C dùng nhót chẻ vào các đỉnh ốc và ngồi chờ cho bung sét thì các bánh xe của máy trộn hồ vẫn còn nguyên vị trí ban đầu, máy trộn hồ vẫn cố định tại vị trí cũ và được chèn cố định bằng các tảng đá; Đường dây dẫn điện cho máy trộn hồ có thiết bị ngắt điện bằng cầu dao; Ông Trương Thành Q, anh Lê Văn C vẫn ngồi tại vị trí máy trộn hồ; Cầu dao điện đã được ngắt an toàn với dòng điện và phần hồ còn lại trong cối trộn thường ngày phải dùng xẻng xúc vào thùng, vào xô mang đi xây. Khi Tống Đức T vào lấy hồ thì vẫn nhìn thấy ông Trương Thành Q ngồi tại khu vực máy trộn hồ, bị cáo không quan sát kỹ và cũng không thông báo cho việc đóng cầu dao điện; Không thực hiện thao tác an toàn là xoay miệng cối lại theo chiều thẳng đứng nên khi bị cáo đóng cầu dao điện máy trộn, phần hồ xây còn lại lượng lớn trong cối, bị lắng và dính chặt một bên thành cối nên khi khởi động đã làm cho máy trộn hồ bị lật ngã và đè lên người anh Lê Văn C đang ngồi, gây ra thương tích và đó cũng là kết quả điều tra về nguyên nhân dẫn đến máy trộn hồ bị ngã qua thao tác vận hành của Tống Đức T. Diễn biến trên phù hợp với lời khai của những người có mặt tại hiện trường và Tống Đức T vẫn thừa nhận việc thiếu quan sát, kiểm tra; Không thông tin với người xung quanh; Không thực hiện thao tác vận hành máy an toàn mà đóng cầu

dao điện khởi động máy chính là nguyên nhân gây ra thương tích cho anh Lê Văn C với tỷ lệ thương tật 92%.

[3] Xét về dấu hiệu tội phạm: Đối với tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động trong xây dựng*” mà Bản án hình sự phúc thẩm số: 08/2023/HS-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã đặt ra, qua kết quả điều tra lại đã chứng minh ông Trương Thành Q tuy là người sử dụng lao động nhưng xét từ quy mô công trình; Hình thức thuê và sử dụng lao động; Việc chỉ đạo, tổ chức thi công; Phần việc đã thực hiện...không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Vi phạm quy định an toàn lao động*” đối với ông Trương Thành Q. Tuy nhiên, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm lại quyết định thay đổi tội danh đối với Tổng Đức T để điều tra, truy tố và xét xử Tổng Đức T về tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” theo điểm b khoản 1 Điều 295 của Bộ luật hình sự là không đúng về tội danh mà Tổng Đức T đã phạm. Do bị cáo Tổng Đức T không phải là người sử dụng lao động; Không phải là người có trách nhiệm trong việc chỉ đạo hoặc thực hiện các quy trình, quy định về an toàn lao động và cũng không phải là người tổ chức thi công công trình... mà chỉ là người làm thuê, vô ý vi phạm các quy định về an toàn lao động dẫn đến hậu quả gây thương tích cho người khác nên hành vi của Tổng Đức T không thỏa mãn yếu tố cấu thành về mặt chủ thể của tội phạm “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” mà từ hành vi vi phạm của Tổng Đức T đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Vô ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã đề nghị thay đổi tội danh đối với Tổng Đức T từ tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” theo điểm b khoản 1 Điều 295 của Bộ luật hình sự sang tội “*Vô ý gây thương tích*” theo điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Theo quy định của Bộ luật hình sự thì tội “*Vô ý gây thương tích*” theo điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự được xác định là tội nhẹ hơn tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 295 của Bộ luật hình sự. Căn cứ vào quy định về giới hạn của việc xét xử quy định tại khoản 2 Điều 298 và các quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2023/HS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình về tội danh đối với Tổng Đức T là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo và người bị hại: Bị cáo kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; Bị hại là anh Lê Văn C và người đại diện hợp pháp cho bị hại là chị Nguyễn Thị D kháng cáo xin giảm nhẹ và cho bị cáo Tổng Đức T được hưởng án treo.

Xét thấy bị cáo Tổng Đức Trọng phạm t với lỗi vô ý; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn cải hối; tự nguyện bồi thường xong các khoản thiệt hại cho bị hại. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ và cho bị cáo được hưởng án treo. Căn cứ vào Điều 36; khoản 2 Điều 38 của Bộ luật hình sự xét thấy không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Tổng Đức T mà áp dụng hình phạt

Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là có căn cứ và tương xứng với hành vi, tính chất và mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra. Đồng thời, giao Tổng Đức T cho Ủy ban nhân dân cấp xã B, huyện T để giám sát, giáo dục.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định hiện tại bị cáo vẫn thực hiện công việc làm thuê, công việc chính là phụ hồ. Thu nhập từ tiền công mỗi ngày là 250.000 đồng tương đương 7.500.000 đồng/tháng và thu nhập đều. Từ căn cứ trên, buộc Tổng Đức T phải thực hiện nghĩa vụ khấu trừ một phần thu nhập là 5% tương đương 375.000 đồng/tháng, để sung quỹ nhà nước.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp, nên chấp nhận.

[7] Đối với trách nhiệm dân sự trong việc bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại thì cả bị cáo Tổng Đức T và người bị hại là anh Lê Văn C (đại diện là chị Nguyễn Thị D); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Thành Q đều không phản đối theo kết quả xét xử sơ thẩm và không kháng cáo.

Tuy nhiên, sau khi xét xử thì giữa bị cáo Tổng Đức T với anh Lê Văn C, chị Nguyễn Thị D đã thỏa thuận được với nhau và theo đó bị cáo Tổng Đức T chỉ phải bồi thường thêm cho anh Lê Văn C số tiền 150.000.000 đồng, số còn lại theo kết quả xét xử sơ thẩm là 159.397.867 đồng anh Lê Văn C, chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tổng Đức T bồi thường thêm và Tổng Đức T đã bồi thường xong 150.000.000 đồng cho anh Lê Văn C theo thỏa thuận. Đối với ông Trương Thành Q về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Lê Văn C với số tiền phải tiếp tục bồi thường là 60.000.000 đồng và sau khi xét xử sơ thẩm ông Trương Thành Q cũng đã nộp bồi thường xong số tiền 60.000.000 đồng cho anh Lê Văn C, nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

[8] Bị cáo, người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại về yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2023/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Tổng Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “*Vô ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành bản án và bản sao bản án.

Giao Tổng Đúc T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục.

Buộc Tổng Đúc T thực hiện nghĩa vụ khấu trừ một phần thu nhập là 5% tương đương 375.000 đồng/tháng, để sung quỹ nhà nước. Thời gian chịu khấu trừ thu nhập là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng và được thực hiện hàng tháng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Công an huyện Thới Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ PHÚC THẨM**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA